TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Nguyễn Phước Tường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 686/2022/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn C** sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt; anh C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 04/2020 đến nay. Nguyên nhân do anh C không lo làm ăn thường xuyên ăn nhậu và chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên Phạm Thị Bảo T2, sinh ngày 04/5/2006, Phạm Lý Bảo K, sinh ngày 12/11/2010 và Phạm Lý Bảo H, sinh ngày

02/11/2007. Hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi hết 03 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Phạm Văn C không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

* Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Anh C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của chị và anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh C và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh C, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự*: Xét thấy anh C là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị T khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*

Chị Lý Thị T và anh Phạm Văn C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức Đông, huyện cái bè, tỉnh Tiền Giang thao giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2010 ngày 02/8/2010. Trong thời gian sống chung thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2020, chị T có nộp đơn xin ly hôn anh C tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T rút đơn kiện để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn đoàn tụ và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 153/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28/12/2020. Tuy nhiên sau khi chị rút đơn kiện vợ chồng đoàn tụ chung sống lại chỉ vài tháng thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn đến nay. Đồng thời, anh C là bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc chị T kiện, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh cũng không còn quan tâm đến

quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[2.2]. *Về con chung*: Chị T và anh C có 03 con chung tên chung tên Phạm Thị Bảo T2, sinh ngày 04/5/2006, Phạm Lý Bảo K, sinh ngày 12/11/2010 và Phạm Lý Bảo H, sinh ngày 02/11/2017. Hiện các con chung do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi hết 03 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, qua ý kiến tham khảo lời khai các con chung tên Phạm Thị Bảo T2, sinh ngày 04/5/2006 và Phạm Lý Bảo K, sinh ngày 12/11/2010 có nguyện vọng được sống với chị T. Hơn nữa 03 con chung do chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay cũng đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của các con chung mà tiếp tục giao hết 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **Về án phí**: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị T, anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị T;

- Cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Lý Thị T;

Giao hết 03 con chung tên Phạm Thị Bảo T2, sinh ngày 04/5/2006; Phạm Lý Bảo K, sinh ngày 12/11/2010 và Phạm Lý Bảo H, sinh ngày 02/11/2017 cho chị Lý Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh C không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị Lý Thị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010434 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh C được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Đức Đông, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nhịn